TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **92**/2023/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 25 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2023/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Vũ H, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Vũ H và chị Lê Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Bùi Vũ H và chị Lê Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con: Anh Bùi Vũ H và chị Lê Thị T công nhận vợ chồng có 02 con chung là Bùi Vũ Hoàng M, sinh ngày 31/10/2012 và Bùi Minh N, sinh ngày 23/9/2015. Anh H và chị T tự nguyện thỏa thuận giao cháu Bùi Vũ Hoàng M cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu Bùi Minh N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T hàng tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con Bùi Minh N thành niên.

Anh Bùi Vũ H và chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh Bùi Vũ H và chị Lê Thị T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Bùi Vũ H và chị Lê Thị T tự nguyện thỏa thuận: Anh H chịu toàn bộ án phí của vụ án hôn nhân và gia đình là 150.000đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh Hiệp đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007312 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận anh Bùi Vũ H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã S, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.*(LL)*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Xuân Tuyên